

Số: 678 /QĐ-BD TTG

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công trách nhiệm thu thập, tạo lập
và cập nhật Cơ sở dữ liệu về Dân tộc**

BỘ TRƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 26 tháng 06 năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 297/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 259/QĐ-BD TTG ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc ban hành Kế hoạch xây dựng Cơ sở dữ liệu về dân tộc;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công trách nhiệm thu thập, tạo lập và cập nhật Cơ sở dữ liệu về Dân tộc.

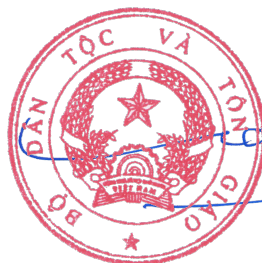
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Chính sách, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, CDS, CS (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Y Vinh Tơ

QUY ĐỊNH

**Phân công trách nhiệm thu thập, tạo lập và
cập nhật Cơ sở dữ liệu về dân tộc**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 678/QĐ-BDTTG ngày 02 tháng 8 năm
2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân công trách nhiệm trong việc thu thập, tạo lập và cập nhật Cơ sở dữ liệu về dân tộc thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo được giao nhiệm vụ liên quan đến Cơ sở dữ liệu về dân tộc.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cơ quan chuyên môn được giao tham mưu quản lý nhà nước về công tác dân tộc và các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu thập, tạo lập, cập nhật dữ liệu về dân tộc tại địa phương.

3. Các bộ, ngành, cơ quan có dữ liệu liên quan; tổ chức, doanh nghiệp tham gia xây dựng, vận hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thu thập, tạo lập, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu về dân tộc.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ sở dữ liệu về Dân tộc là cơ sở dữ liệu chuyên ngành do Bộ Dân tộc và Tôn giáo là cơ quan chủ quản, được quản lý, kết nối, chia sẻ theo quy định của Luật Dữ liệu và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, tập hợp thông tin dữ liệu số về công tác dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chính sách dân tộc và các dữ liệu có liên quan phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành, hoạch định, tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá chính sách dân tộc.

2. Thu thập dữ liệu là việc tiếp nhận, thu nhận dữ liệu từ các nguồn phát sinh để phục vụ tạo lập, cập nhật Cơ sở dữ liệu về dân tộc.

3. Tạo lập dữ liệu là việc chuẩn hóa, số hóa, nhập, xác thực, phê duyệt, làm sạch và đồng bộ dữ liệu đã thu thập để hình thành, duy trì dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về dân tộc.

4. Cập nhật dữ liệu là việc bổ sung, điều chỉnh dữ liệu đã có trong Cơ sở dữ liệu về dân tộc khi có phát sinh, thay đổi hoặc theo chu kỳ quy định.

5. Xác thực dữ liệu là việc cơ quan, đơn vị tạo lập kiểm tra, đối chiếu nhằm xác định tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp của dữ liệu trước khi trình xác nhận, phê duyệt.

6. Phê duyệt dữ liệu là việc cơ quan, người có thẩm quyền chấp thuận đưa dữ liệu vào sử dụng chính thức trong Cơ sở dữ liệu về dân tộc. Phê duyệt dữ liệu chỉ áp dụng đối với dữ liệu nghiệp vụ; dữ liệu phát sinh từ kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được ký số, ban hành đúng thẩm quyền và còn hiệu lực không phải phê duyệt lại.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Việc tạo lập dữ liệu phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật; đúng thẩm quyền, đúng chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo đảm khách quan, đầy đủ, chính xác, kịp thời.

2. Dữ liệu phải bảo đảm các yêu cầu đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung; bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ, toàn vẹn, kịp thời, có khả năng truy nguyên và đáp ứng yêu cầu khai thác, kết nối, chia sẻ; được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, danh mục dùng chung, mô hình dữ liệu và quy định về quản trị dữ liệu của Bộ dân tộc và Tôn giáo.

3. Dữ liệu được tạo lập một lần tại nguồn phát sinh; lấy Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư làm gốc để định danh và đối soát thông tin cá nhân theo nguyên tắc “một nguồn tin cậy duy nhất”; được kế thừa, đồng bộ, tái sử dụng tối đa từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương và các hệ thống thông tin của Bộ dân tộc và Tôn giáo thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật; bảo đảm sẵn sàng chia sẻ, cung cấp dữ liệu cho các cơ quan, đơn vị có nhu cầu khai thác, sử dụng hợp pháp.

4. Việc cập nhật dữ liệu phải được thực hiện kịp thời khi có phát sinh, thay đổi hoặc theo chu kỳ quy định; bảo đảm dữ liệu luôn phản ánh đúng hiện trạng, duy trì tính toàn vẹn, tính nhất quán và khả năng truy xuất nguồn gốc của dữ liệu.

5. Dữ liệu trước khi đưa vào Cơ sở dữ liệu về dân tộc phải được kiểm tra, đối soát, xác thực, phê duyệt theo quy trình quản lý dữ liệu; cơ quan, tổ chức, đơn vị tạo lập, cập nhật dữ liệu chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp và kịp thời của dữ liệu do mình cung cấp. Vụ Chính sách chủ trì về quy trình quản lý dữ liệu, quy trình nghiệp vụ; Trung tâm Chuyển đổi số chủ trì về quy trình kỹ thuật.

6. Việc tạo lập dữ liệu phải bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và các yêu cầu về quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

7. Mỗi loại dữ liệu, trường dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về dân tộc phải được xác định rõ cơ quan chủ quản, cơ quan tạo lập, cơ quan cập nhật và cơ quan chịu trách nhiệm quản lý; bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc, theo dõi lịch sử thay đổi và quản lý xuyên suốt vòng đời dữ liệu.

8. Dữ liệu phát sinh từ kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được ký số, ban hành đúng thẩm quyền và còn hiệu lực được cập nhật thành dữ liệu chính thức, không phải phê duyệt lại. Dữ liệu được kết nối, chia sẻ từ nguồn dữ liệu chuẩn chỉ thực hiện kiểm tra kỹ thuật, đối chiếu định danh và liên kết, không sửa đổi hoặc phê duyệt lại nội dung thuộc trách nhiệm của cơ quan nguồn.

9. Dữ liệu chính thức không được sửa trực tiếp, ghi đè hoặc xóa tùy tiện; việc điều chỉnh phải tạo phiên bản dữ liệu mới và lưu đầy đủ lịch sử thay đổi. Cơ quan cấp trên được kiểm tra, cảnh báo, yêu cầu điều chỉnh nhưng không tự sửa dữ liệu đã được cấp dưới tạo lập, phê duyệt đúng thẩm quyền.

10. Quy định này không thay thế hoặc làm thay đổi trình tự, thủ tục, thời hạn và thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện quy trình nghiệp vụ đã được pháp luật quy định.

Chương II

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THU THẬP, TẠO LẬP VÀ CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ DÂN TỘC

Điều 5. Trách nhiệm của Trung tâm Chuyển đổi số

1. Chủ trì quản lý, vận hành nền tảng thu thập dữ liệu về dân tộc; bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin, đường truyền, lưu trữ, sao lưu, phục hồi dữ liệu, an toàn thông tin, an ninh mạng và hoạt động ổn định, liên tục của hệ thống. Hạ tầng lưu trữ Cơ sở dữ liệu về dân tộc phải đáp ứng tiêu chuẩn về trung tâm dữ liệu theo quy định tại Điều 14 Luật Dữ liệu và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Chủ trì thiết lập, quản lý tài khoản và phân quyền truy cập hệ thống theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền; quản lý tài khoản quản trị kỹ thuật; hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống đúng mục đích, đúng phạm vi, đúng thẩm quyền và bảo đảm an toàn thông tin.

3. Chủ trì thiết kế, xây dựng, quản lý, duy trì và nâng cấp các thành phần kỹ thuật của hệ thống; giao diện, công cụ khai thác, phân tích, hiển thị dữ liệu; hệ thống giám sát, nhật ký hệ thống, nhật ký truy cập và các thành phần kỹ thuật khác phục vụ tạo lập Cơ sở dữ liệu về dân tộc.

4. Chủ trì giám sát kỹ thuật, bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng; tổ chức ghi nhật ký hệ thống, cảnh báo, phát hiện, xử lý sự cố kỹ thuật; kịp thời tham mưu Lãnh đạo Bộ áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết, bao gồm tạm dừng kết nối hoặc tạm dừng cung cấp dịch vụ khi phát hiện nguy cơ mất an toàn

thông tin, rò rỉ, thất thoát dữ liệu, truy cập trái phép hoặc các hành vi làm ảnh hưởng đến hoạt động an toàn, ổn định của hệ thống; đồng thời thông báo Vụ Chính sách để phối hợp xử lý về mặt nghiệp vụ và dữ liệu.

5. Chủ trì bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu về dân tộc với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương và các hệ thống thông tin có liên quan theo quy định của pháp luật và theo phân công của Bộ; chủ trì xây dựng phương án kỹ thuật kết nối, khai thác, chuyển đổi dữ liệu tự động từ Kho dữ liệu về dân tộc hiện có sang Cơ sở dữ liệu về dân tộc, bảo đảm kế thừa dữ liệu, không phát sinh nhập liệu trùng lặp; tổ chức kết nối, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP, theo lộ trình tại kế hoạch triển khai của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

6. Chủ trì xây dựng, ban hành quy trình kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật tạo lập dữ liệu; phối hợp với Vụ Chính sách và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thiện các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, kiến trúc, mô hình dữ liệu và bảo đảm khả năng tương thích, liên thông giữa các hệ thống thông tin.

7. Phối hợp với Vụ Chính sách và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật tạo lập dữ liệu về dân tộc và xử lý các sự cố kỹ thuật phát sinh.

Điều 6. Trách nhiệm của Vụ Chính sách

1. Là đơn vị chủ trì quản trị dữ liệu và quản lý nghiệp vụ nội dung của Cơ sở dữ liệu về dân tộc; chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn thu thập, cập nhật, kiểm tra, xác thực, phê duyệt, chuẩn hóa, làm sạch, khai thác và phát triển dữ liệu; chịu trách nhiệm về nội dung, phạm vi, tiêu chí, chỉ tiêu, chuẩn nghiệp vụ và chất lượng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về dân tộc.

2. Chủ trì xác định danh mục dữ liệu, biểu mẫu, chỉ tiêu, trường thông tin, tiêu chuẩn nghiệp vụ; xây dựng, ban hành quy trình thu thập, tạo lập, cập nhật, kiểm tra, xác nhận, phê duyệt, chuẩn hóa, làm sạch và quản trị dữ liệu; ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ trì tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, thẩm định và phê duyệt dữ liệu do các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thu thập, tạo lập, cập nhật; hướng dẫn, kiểm tra các địa phương trong việc thực hiện tạo lập, cập nhật, quản trị và khai thác dữ liệu theo quy định. Việc xác nhận, phê duyệt dữ liệu của Vụ Chính sách không thay thế trách nhiệm xác thực dữ liệu của cơ quan, đơn vị tạo lập quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này.

4. Chủ trì rà soát, đánh giá chất lượng dữ liệu; đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương khắc phục dữ liệu thiếu, sai lệch, trùng lặp, không còn phù hợp hoặc không đáp ứng yêu cầu quản lý.

5. Chủ trì khai thác, phân tích, tổng hợp và sử dụng dữ liệu phục vụ công tác tham mưu xây dựng, tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá, sơ kết, tổng kết chính sách dân tộc; phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, thống kê, báo cáo và cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật. Chủ trì xác định danh mục dữ liệu mở, trình cấp có thẩm quyền ban hành; việc công bố, cung cấp dữ liệu mở từ Cơ sở dữ liệu về dân tộc thực hiện theo Nghị định số 194/2025/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

6. Chủ trì xác định yêu cầu nghiệp vụ, yêu cầu dữ liệu; phối hợp với Trung tâm Chuyển đổi số trong quá trình xây dựng nền tảng thu thập dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về dân tộc nhằm bảo đảm hệ thống đáp ứng yêu cầu quản lý nghiệp vụ và quản trị dữ liệu.

7. Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ trì phối hợp với Trung tâm Chuyển đổi số và các đơn vị liên quan đề xuất nhiệm vụ, kinh phí tạo lập Cơ sở dữ liệu về dân tộc thuộc phạm vi nhiệm vụ của Bộ.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chủ động phân công cơ quan, đơn vị đầu mối và các cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương thực hiện thu thập, cập nhật, xác thực, phê duyệt, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về dân tộc thuộc phạm vi quản lý của địa phương; trong đó cơ quan chuyên môn được giao tham mưu quản lý nhà nước về công tác dân tộc trực tiếp thu thập, tổng hợp, kiểm tra, xác thực, phê duyệt hoặc trình phê duyệt dữ liệu thuộc thẩm quyền; Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp tạo lập, xác minh, cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi địa bàn theo phân công.

2. Tổ chức thu thập, chuẩn hóa, số hóa, nhập, cập nhật, làm sạch, xác thực và phê duyệt dữ liệu địa phương theo hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Vụ Chính sách và hướng dẫn kỹ thuật của Trung tâm Chuyển đổi số.

3. Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất và hợp pháp của dữ liệu do địa phương tạo lập, cập nhật, phê duyệt, đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu về dân tộc.

4. Bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ tạo lập, cập nhật, làm sạch, duy trì, khai thác, sử dụng dữ liệu tại địa phương; bảo đảm nhân lực, thiết bị và điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện theo quy định.

5. Chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại địa phương quản lý, sử dụng tài khoản đúng mục đích, đúng thẩm quyền; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình tạo lập, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu.

6. Phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý sai sót, chênh lệch, trùng lặp, thiếu hụt dữ liệu.

7. Phản ánh kịp thời khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình tạo lập, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 8. Trách nhiệm của các Vụ, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Phối hợp với Vụ Chính sách và Trung tâm Chuyển đổi số trong việc xác định nhu cầu dữ liệu, cung cấp thông tin, chuẩn hóa dữ liệu theo nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các công đoạn thu thập, chuẩn hóa, số hóa, làm sạch, xác thực, phê duyệt, cập nhật dữ liệu theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ, nguồn dữ liệu và quyền được phân công; không tự ý sửa đổi, sao chép, chuyển giao, tiết lộ dữ liệu khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phân công cụ thể người tạo lập, người kiểm tra, người xác thực, người phê duyệt dữ liệu và định kỳ rà soát tài khoản, phân quyền của đơn vị mình. Riêng Vụ Kế hoạch - Tài chính chịu trách nhiệm tạo lập dữ liệu điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số do Cục Thống kê, Bộ Tài chính điều tra, cung cấp số liệu và lưu trữ, cập nhật vào Kho dữ liệu 53 dân tộc thiểu số và Thông tin thống kê công tác dân tộc để sẵn sàng kết nối API với Cơ sở dữ liệu về dân tộc.

3. Kịp thời thông báo cho Vụ Chính sách và Trung tâm Chuyển đổi số khi phát hiện sai sót dữ liệu, nguy cơ mất an toàn thông tin, sự cố kỹ thuật hoặc vướng mắc trong quá trình khai thác, sử dụng dữ liệu.

4. Phối hợp với Vụ Chính sách và Trung tâm Chuyển đổi số trong việc kết nối, chia sẻ, tích hợp dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin do đơn vị quản lý theo quy định của pháp luật; bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời, đồng bộ, tránh trùng lặp và thống nhất với Cơ sở dữ liệu về dân tộc; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu do đơn vị cung cấp.

Chương III

TẠO LẬP DỮ LIỆU VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN DỮ LIỆU

Điều 9. Tạo lập dữ liệu

1. Dữ liệu được tạo lập, cập nhật trên Cơ sở dữ liệu về dân tộc phải tuân thủ danh mục dữ liệu, biểu mẫu, chỉ tiêu, trường thông tin, quy trình nghiệp vụ, quy trình kỹ thuật do Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành hoặc hướng dẫn.

2. Việc tạo lập, cập nhật dữ liệu thực hiện theo các công đoạn cơ bản: xác định nguồn dữ liệu; thu thập hoặc tiếp nhận; kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ; chuẩn hóa; đối chiếu nguồn; xác thực; phê duyệt hoặc xác nhận tiếp nhận; cập nhật chính thức; quản lý phiên bản và lưu lịch sử thay đổi. Quy trình chi tiết đối với dữ liệu từ thủ tục hành chính, dữ liệu nghiệp vụ, dữ liệu được kết nối, chia sẻ và

dữ liệu được số hóa thực hiện theo hướng dẫn của Vụ Chính sách quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này.

3. Dữ liệu tạo lập, cập nhật phải được kiểm tra, xác thực, phê duyệt theo phân quyền trước khi sử dụng chính thức, chia sẻ hoặc đồng bộ sang hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác.

4. Việc cập nhật dữ liệu được thực hiện thường xuyên, kịp thời; bảo đảm kế thừa dữ liệu hiện có, không trùng lặp, ưu tiên tái sử dụng dữ liệu đã được cơ quan nhà nước xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ.

Điều 10. Bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu

1. Cơ sở dữ liệu về dân tộc phải được bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ được phê duyệt; áp dụng biện pháp quản lý, kỹ thuật phù hợp để bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, dữ liệu nội bộ và dữ liệu thuộc phạm vi hạn chế khai thác, sử dụng. Dữ liệu phải được phân loại trước khi phân quyền truy cập, khai thác, gồm: dữ liệu cá nhân, dữ liệu cá nhân nhạy cảm, dữ liệu nội bộ, dữ liệu hạn chế tiếp cận, bí mật nhà nước, dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở. Trung tâm Chuyển đổi số chủ trì xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Vụ Chính sách chủ trì xác định yêu cầu bảo vệ dữ liệu, mức độ chia sẻ, phạm vi khai thác và phê duyệt yêu cầu phân quyền tạo lập, khai thác dữ liệu; Trung tâm Chuyển đổi số thực hiện cấu hình kỹ thuật, thiết lập, giám sát, kiểm tra định kỳ việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, quản lý nhật ký truy cập, nhật ký kết nối, tạo lập dữ liệu theo quy định.

3. Cơ quan, đơn vị, địa phương được cấp tài khoản có trách nhiệm bảo mật tài khoản, phân công người sử dụng đúng thẩm quyền, kịp thời thu hồi hoặc đề nghị thu hồi tài khoản khi thay đổi nhiệm vụ, vị trí công tác hoặc không còn nhu cầu sử dụng.

4. Mọi hoạt động truy cập, khai thác, chỉnh sửa, chia sẻ và chuyển trạng thái dữ liệu phải được ghi nhật ký. Quản trị viên kỹ thuật và tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xây dựng, vận hành, bảo trì hệ thống không được tự ý xem, sửa, sao chép hoặc phê duyệt dữ liệu nghiệp vụ.

Chương IV

KIỂM TRA, BÁO CÁO, KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Kiểm tra, đánh giá và duy trì chất lượng dữ liệu

1. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về dân tộc được kiểm tra, đánh giá, duy trì chất lượng định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu quản lý.

2. Nội dung kiểm tra, đánh giá gồm tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ, thống nhất, toàn vẹn, kịp thời, hiệu lực của dữ liệu; khả năng kết nối, chia sẻ, truy

nguyên; mức độ trùng lặp, tình trạng cập nhật, nhật ký khai thác, sử dụng và việc tuân thủ quy định về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu; tiến độ tạo lập và tỷ lệ hoàn thiện dữ liệu. Chỉ tiêu định lượng cụ thể về tiến độ tạo lập, tỷ lệ hoàn thiện, chu kỳ cập nhật dữ liệu do Vụ Chính sách xác định tại kế hoạch tạo lập dữ liệu hằng năm.

3. Vụ Chính sách chủ trì kiểm tra, đánh giá chất lượng dữ liệu được tạo lập trong Cơ sở dữ liệu về dân tộc; Trung tâm Chuyển đổi số phối hợp kiểm tra, đánh giá điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin, kết nối, chia sẻ, vận hành nền tảng thu thập dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về dân tộc.

4. Khi phát hiện dữ liệu thiếu, sai lệch, trùng lặp hoặc không còn phù hợp, Vụ Chính sách giao cơ quan, đơn vị liên quan xử lý, xác định thời hạn khắc phục, xác nhận kết quả khắc phục và tổng hợp báo cáo chất lượng dữ liệu theo từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 12. Chế độ báo cáo

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo cơ quan, đơn vị được phân công báo cáo kết quả tạo lập dữ liệu theo chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

2. Vụ Chính sách chủ trì tổng hợp báo cáo về tình hình tạo lập dữ liệu; Trung tâm Chuyển đổi số phối hợp cung cấp báo cáo về vận hành kỹ thuật, an toàn thông tin và sự cố hệ thống.

3. Vụ Chính sách chủ trì, phối hợp với Trung tâm Chuyển đổi số tổng hợp chung kết quả tạo lập dữ liệu, báo cáo Lãnh đạo Bộ theo định kỳ hằng tháng hoặc khi có yêu cầu.

Điều 13. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ tạo lập Cơ sở dữ liệu về dân tộc ở Trung ương được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ tạo lập dữ liệu tại địa phương được bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc lập, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì tham mưu bố trí, thẩm định dự toán và hướng dẫn quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ tạo lập Cơ sở dữ liệu về dân tộc theo quy định.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Chính sách, Trung tâm Chuyển đổi số, các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm rà soát, phân loại, làm sạch, chuyển đổi dữ liệu hiện có vào Cơ sở dữ liệu về dân tộc; dữ liệu hiện có sau khi được rà soát, xác thực, phê duyệt theo Quy định này hoặc tích hợp từ cơ quan đơn vị khác được xác định là dữ liệu chính thức. Khi thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc người phụ trách, cơ quan, đơn vị phải bàn giao đầy đủ dữ liệu, tài khoản và trách nhiệm quản lý dữ liệu.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Bộ Dân tộc và Tôn giáo, đồng gửi Vụ Chính sách và Trung tâm Chuyển đổi số để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

4. Vụ Chính sách chủ trì, phối hợp với Trung tâm Chuyển đổi số rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy định này khi có thay đổi về chính sách, pháp luật, yêu cầu quản lý, yêu cầu kỹ thuật hoặc yêu cầu phát triển Cơ sở dữ liệu về dân tộc./.

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO